ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP LUẬT SƯ TRONG QUAN HỆ GIỮA LUẬT SƯ VỚI KHÁCH HÀNG - THỰC TIỄN VI PHẠM ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP TRONG HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Luật sư Nguyễn Thế Phong - Ủy viên Ban Thường vụ,
Chủ nhiệm Ủy ban Đạo đức, Khen thưởng, Kỷ luật – Liên đoàn luật sư Việt Nam

Bộ quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam (***Bộ quy tắc đạo đức***) được Hội đồng luật sư toàn quốc ban hành theo Quyết định số 201/QĐ-HĐLSTQ ngày 13/12/2019, quy định về các giá trị chuẩn mực nghề nghiệp luật sư của đội ngũ Luật sư Việt Nam.

Bộ quy tắc đạo đức bao gồm Lời nói đầu, 06 chương với 32 quy tắc, được phân chia bố cục như sau: Chương I (Quy tắc chung): 04 Quy tắc; Chương II (Quan hệ với khách hàng): 12 Quy tắc; Chương III (Quan hệ với đồng nghiệp): 09 Quy tắc; Chương IV (Quan hệ với cơ quan, người tiến hành tố tụng): 03 Quy tắc; Chương V (Quan hệ với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác): 02 Quy tắc; Chương VI (các quy tắc khác): 02 Quy tắc.

Trong phạm vi chuyên đề này, chúng ta cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ở mức độ tổng quan, khái quát về một số quy tắc tại Chương II (*Quan hệ với khách hàng*). Đồng thời, báo cáo viên chuyển tải một số thông tin về tình hình vi phạm, thực tiễn giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm kỷ luật trong tổ chức luật sư nước ta trong thời gian gần đây để các luật sư cùng nắm bắt, trao đổi.

I. CÁC QUY TẮC CỦA CHƯƠNG II – QUAN HỆ VỚI KHÁCH HÀNG

1. Khái quát về các quy tắc ở Chương II (*Quan hệ với khách hàng*)

Bộ quy tắc đạo đức gồm Lời nói đầu, 06 Chương với 32 Quy tắc, Trong đó Chương II (Quan hệ với khách hàng) là một chương rất quan trọng, điều chỉnh trực tiếp, phổ biến và thường xuyên đối với hoạt động hành nghề luật sư.

Luật sư là hoạt động nghề nghiệp, cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng trên các lĩnh vực tố tụng, tư vấn, đại diện ngoài tố tụng, thực hiện các dịch vụ pháp lý khác. Công việc hành nghề của luật sư luôn gắn với khách hàng và là quan hệ thường xuyên, phổ biến nhất trong các quan hệ liên quan đến nghề nghiệp luật sư. Do đó, quan hệ giữa luật sư với khách hàng là quan hệ cơ bản nhất trong hoạt động nghề nghiệp luật sư.

Từ ý nghĩa đó, Bộ quy tắc đạo đức đã giành ra một chương (Chương II) được thiết kế thành 04 Mục với 12 quy tắc để quy định những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quan hệ giữa luật sư với khách hàng, làm khuôn mẫu cho mỗi luật sư ứng xử, rèn luyện, tu dưỡng để giữ gìn uy tín đội ngũ luật sư và tôn vinh nghề nghiệp luật sư.

Cấu trúc Chương II (*Quan hệ với khách hàng*) Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam cụ thể như sau:

- Mục 1. Những quy tắc cơ bản: *Quy tắc 5* (Bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng); *Quy tắc 6* (Tôn trọng khách hàng); *Quy tắc 7* (Giữ bí mật thông tin); *Quy tắc 8* (Thù lao); *Quy tắc 9* (Những việc luật sư không được làm trong quan hệ với khách hàng , có nội dung gồm 10 quy tắc nhỏ).
- Mục 2. Nhận vụ việc: *Quy tắc 10* (Tiếp nhận vụ việc của khách hàng, nội dung gồm 05 quy tắc nhỏ); *Quy tắc 11* (Những trường hợp luật sư phải từ chối khi tiếp nhận vụ việc của khách hàng, nội dung gồm 04 quy tắc nhỏ).
- Mục 3. Thực hiện vụ việc: *Quy tắc 12* (Thực hiện vụ việc của khách hàng, nội dung gồm 04 quy tắc nhỏ); *Quy tắc 13* (Từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng, nội dung gồm 08 quy tắc nhỏ, phân chia làm 02 trường hợp là: có thể từ chối; phải từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng); *Quy tắc 14* (Giải quyết khi luật sư đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý); *Quy tắc 15* (Xung đột về lợi ích, định nghĩa và diễn giải thành nhiều trường hợp tại nhiều quy tắc nhỏ);
- Mục 4. Kết thúc vụ việc: *Quy tắc 16* (Thông báo kết quả thực hiện vụ việc).

2. Các vấn đề lưu ý đối với những quy tắc cơ bản của Chương II

Quy tắc 5. Bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng *Luật sư có nghĩa vụ tận tâm với công việc, phát huy năng lực, sử dụng kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng theo quy định của pháp luật và Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.*
Quy tắc 6. Tôn trọng khách hàng *Luật sư thực hiện việc cung cấp dịch vụ pháp lý trên cơ sở yêu cầu hợp pháp của khách hàng, tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp và sự lựa chọn của khách hàng.*
Quy tắc 7. Giữ bí mật thông tin

7.1. Luật sư có nghĩa vụ giữ bí mật thông tin của khách hàng khi thực hiện dịch vụ pháp lý và sau khi đã kết thúc dịch vụ đó, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc theo quy định của pháp luật.

7.2. Luật sư có trách nhiệm yêu cầu các đồng nghiệp có liên quan và nhân viên trong tổ chức hành nghề của mình cam kết không tiết lộ những bí mật thông tin mà họ biết được và luật sư có trách nhiệm giải thích rõ nếu tiết lộ thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quy tắc 8. Thù lao

Luật sư phải giải thích cho khách hàng những quy định của pháp luật về căn cứ tính thù lao, phương thức thanh toán thù lao; thông báo rõ ràng mức thù lao, chi phí cho khách hàng và mức thù lao, chi phí này phải được ghi trong hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Quy tắc 9. Những việc luật sư không được làm trong quan hệ với khách hàng

9.1. Nhận, chiếm giữ, sử dụng tiền, tài sản của khách hàng trái với thỏa thuận giữa luật sư và khách hàng.

9.2. Gợi ý, đặt điều kiện để khách hàng tặng cho tài sản hoặc lợi ích khác cho luật sư hoặc cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của luật sư.

9.3. Nhận tiền hoặc bất kỳ lợi ích nào khác từ người thứ ba để thực hiện hoặc không thực hiện công việc gây thiệt hại đến lợi ích của khách hàng.

9.4. Tạo ra hoặc lợi dụng các tình huống xấu, những thông tin sai sự thật, không đầy đủ hoặc bất lợi cho khách hàng để gây áp lực nhằm tăng mức thù lao đã thỏa thuận hoặc có được lợi ích khác từ khách hàng.

9.5. Sử dụng thông tin biết được từ vụ việc mà luật sư đảm nhận để mưu cầu lợi ích không chính đáng.

9.6. Thông tin trực tiếp cho khách hàng hoặc dùng lời lẽ, hành vi ám chỉ để khách hàng biết về mối quan hệ cá nhân của luật sư với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác nhằm mục đích gây niềm tin với khách hàng về hiệu quả công việc hoặc nhằm mục đích bất hợp pháp khác.

9.7. Cố ý đưa ra những thông tin làm cho khách hàng nhầm lẫn về khả năng và trình độ chuyên môn của mình để tạo niềm tin cho khách hàng ký kết hợp đồng.

9.8. Hứa hẹn, cam kết bảo đảm kết quả vụ việc về những nội dung nằm ngoài khả năng, điều kiện thực hiện của luật sư.

9.9. Lợi dụng nghề nghiệp để quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với khách hàng.

9.10. Lạm dụng các chức danh khác ngoài danh xưng luật sư trong hoạt động hành nghề để mưu cầu lợi ích trái pháp luật.

Mục 1 Chương II Bộ quy tắc đạo đức quy định "Những quy tắc cơ bản" trong trong quan hệ giữa luật sư với khách hàng. Trong các quy tắc tại Mục 1 thì các Quy tắc 5 (*Bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng*), Quy tắc 6 (*Tôn trọng khách hàng*), Quy tắc 7 (*Giữ bí mật thông tin*) có nội dung trực tiếp và dễ hiểu, không phải dẫn chiếu đến các quy tắc khác hoặc các quy định của pháp luật.

Đối với Quy tắc 8 (*Thù lao*), nội dung quy tắc yêu cầu Luật sư phải giải thích, thông báo cho khách hàng về căn cứ tính thù lao, phương thức thanh toán, thông báo rõ mức thù lao, chi phí và ghi vào Hợp đồng dịch vụ pháp lý. Việc tuân thủ đúng Quy tắc này đòi hỏi các luật sư phải nghiên cứu, tìm hiểu tiếp các quy định của pháp luật liên quan đến thù lao luật sư và Hợp đồng dịch vụ pháp lý. Hiện nay, quy định về thù lao luật sư, Hợp đồng dịch vụ pháp lý được quy định trong Luật luật sư, Nghị định 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.

Điều 55 Luật luật sư quy định căn cứ và phương thức tính thù lao như sau:

- Mức thù lao được tính dựa trên các căn cứ: Nội dung, tính chất của dịch vụ pháp lý; Thời gian và công sức của luật sư sử dụng để thực hiện dịch vụ pháp lý; Kinh nghiệm và uy tín của luật sư;
- Thù lao được tính theo các phương thức sau đây: Giờ làm việc của luật sư; Vụ, việc với mức thù lao trọn gói; Vụ, việc với mức thù lao tính theo ***tỷ lệ phần trăm*** của giá ngạch vụ kiện hoặc giá trị hợp đồng, giá trị dự án; Hợp đồng dài hạn với *mức thù lao cố định*.

Đối với Chi phí, Khoản 2 Điều 56 Luật luật sư quy định tiền tàu xe, lưu trú và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dịch vụ pháp lý do các bên thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Ngoài ra, đối với thù lao luật sư trong vụ án hình sự, Điều 18 Nghị định 123/2013/NĐ-CP quy định mức thù lao này do khách hàng và văn phòng luật sư, công ty luật thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý nhưng mức cao nhất cho 01 giờ làm việc của luật sư *không được vượt quá 0,3 lần mức lương cơ sở* do Chính phủ quy định. Thời gian làm việc của luật sư do luật sư và khách hàng thỏa thuận.

Quy tắc 8 (*Thù lao*) là quy tắc rất quan trọng, gắn với nghề nghiệp luật sư, do đó các luật sư cần quan tâm tuân thủ, thỏa thuận minh bạch, hợp lý khi thương lượng, ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý với khách hàng. Việc minh bạch về thù lao, phân chia rõ ràng trị giá thù lao theo từng giai đoạn, từng phần công việc, minh bạch thỏa

thuận về chi phí còn rất có ý nghĩa trong giải quyết tranh chấp với khách hàng, và là công cụ bảo vệ luật sư khi quan hệ giữa luật sư với khách hàng xấu đi, hoặc khi khách hàng muốn chấm dứt hợp đồng, đòi lại tiền thù lao, chi phí đã thanh toán cho luật sư.

Đối với Quy tắc 9 (*Những việc luật sư không được làm trong quan hệ với khách hàng*), đây là Quy tắc mà thực tiễn giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm thường hay gặp nhiều nhất. Đồng thời, quy tắc này rất thường được áp dụng để xử lý kỷ luật đối với luật sư.

Quy tắc 9.1 (*Nhận, chiếm giữ, sử dụng tiền, tài sản của khách hàng trái với thỏa thuận giữa luật sư và khách hàng*) là quy tắc thường gặp trên thực tế, trong số các trường hợp xử lý vi phạm đối với luật sư. Biểu hiện cụ thể là thông qua hoạt động nghề nghiệp, luật sư có thể nhận những khoản tiền của khách hàng để nộp đóng án phí, đo vẽ, định giá, ….. nhưng không thực hiện mà sử dụng cá nhân. Có trường hợp luật sư đại diện khách hàng nhận tiền thi hành án nhưng không thông báo cho khách hàng biết mà giữ để sử dụng cá nhân.

Quy tắc 9.2 (*Gợi ý, đặt điều kiện để khách hàng tặng cho tài sản hoặc lợi ích khác cho luật sư .....*) là quy tắc mà trong thực tiễn xử lý vi phạm thường gặp. Trên thực tế, vi phạm quy tắc này thường biến tướng thành nhiều hình thức, trong đó có hình thức lập văn bản hứa thưởng cho luật sư bằng tiền hoặc tài sản khác.

Quy tắc 9.4 (*Tạo ra hoặc lợi dụng các tình huống xấu, những thông tin sai sự thật, không đầy đủ hoặc bất lợi cho khách hàng để gây áp lực nhằm tăng mức thù lao đã thỏa thuận hoặc có được lợi ích khác từ khách hàng*) cũng là quy tắc hay vi phạm trên thực tế, thể hiện ở các hành vi sách nhiễu khách hàng nhằm trục lợi, nhận thêm những khoản tiền ngoài thù lao, chi phí đã thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Quy tắc 9.6 (*Thông tin trực tiếp cho khách hàng hoặc dùng lời lẽ, hành vi ám chỉ để khách hàng biết về mối quan hệ cá nhân của luật sư với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng …. nhằm mục đích gây niềm tin ….*) là quy tắc mà một số luật sư hay vi phạm. Biểu hiện cụ thể là khoe khoang mối quan hệ với các cơ quan, cán bộ nhà nước để nhận được dịch vụ pháp lý, thậm chí nhận với mức thù lao rất cao.

Quy tắc 9.8 (*Hứa hẹn, cam kết bảo đảm kết quả vụ việc về những nội dung nằm ngoài khả năng, điều kiện thực hiện của luật sư*) là quy tắc đã từng có một số luật sư vi phạm. Biểu hiện cụ thể là hứa hẹn bào chữa với kết quả là án treo trong vụ

án hình sự. Một số trường hợp luật sư đã phân chia thang bậc năm tù (dự kiến) mà khách hàng có khả năng gánh chịu để làm căn cứ tính thù lao. Mức năm tù càng thấp thì thù lao luật sư càng cao.

3. Các vấn đề lưu ý đối với các quy tắc về nhận vụ việc của khách hàng

Quy tắc 10. Tiếp nhận vụ việc của khách hàng

10.1. Khi được khách hàng yêu cầu tiếp nhận vụ việc, luật sư cần nhanh chóng trả lời cho khách hàng biết về việc có tiếp nhận vụ việc hay không.

10.2. Luật sư không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, tôn giáo, quốc tịch, tuổi tác, sức khỏe, khuyết tật, tình trạng tài sản của khách hàng khi tiếp nhận vụ việc. Trường hợp biết khách hàng thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí thì luật sư thông báo cho họ biết.

10.3. Luật sư chỉ nhận vụ việc theo điều kiện, khả năng chuyên môn của mình và thực hiện vụ việc trong phạm vi yêu cầu hợp pháp của khách hàng.

10.4. Luật sư có nghĩa vụ giải thích cho khách hàng biết về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ trong quan hệ với luật sư; về tính hợp pháp trong yêu cầu của khách hàng; những khó khăn, thuận lợi có thể lường trước được trong việc thực hiện dịch vụ pháp lý; quyền khiếu nại và thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng đối với luật sư.

10.5. Khi nhận vụ việc của khách hàng, luật sư phải ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trong hợp đồng dịch vụ pháp lý phải xác định rõ yêu cầu của khách hàng, mức thù lao và những nội dung chính khác mà hợp đồng dịch vụ pháp lý phải có theo quy định của pháp luật.

Quy tắc 11. Những trường hợp luật sư phải từ chối khi tiếp nhận vụ việc của khách hàng

11.1. Khách hàng thông qua người khác yêu cầu luật sư mà luật sư biết rõ người này có biểu hiện lợi dụng tư cách đại diện cho khách hàng để mưu cầu lợi ích không chính đáng làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của khách hàng.

11.2. Khách hàng yêu cầu dịch vụ pháp lý của luật sư mà luật sư biết rõ khách hàng có ý định lợi dụng dịch vụ đó cho mục đích vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc khách hàng không tự nguyện mà bị phụ thuộc theo yêu cầu của người khác.

11.3. Có căn cứ rõ ràng xác định khách hàng đã cung cấp chứng cứ giả hoặc yêu cầu của khách hàng trái đạo đức, vi phạm điều cấm của pháp luật.

11.4. Vụ việc của khách hàng có xung đột về lợi ích theo quy định tại Quy tắc 15.

Mục 2 Chương II là các quy tắc về nhận vụ việc của khách hàng, bao gồm 02 Quy tắc: Quy tắc 10 (*Tiếp nhận vụ việc của khách hàng*), Quy tắc 11 (*Những trường hợp luật sư phải từ chối khi tiếp nhận vụ việc của khách hàng*).

Đối với Quy tắc 10 (*Tiếp nhận vụ việc của khách hàng*), từ thực tiễn vi phạm trong luật sư cho thấy có các vấn đề cần quan tâm sau đây:

- Quy tắc 10.4 quy định về nghĩa vụ giải thích của luật sư đối với khách hàng. Theo đó thì luật sư có nghĩa vụ: "G*iải thích cho khách hàng biết về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ trong quan hệ với luật sư, về tính hợp pháp trong yêu cầu của khách hàng, những khó khăn, thuận lợi có thể lường trước được trong việc thực hiện dịch vụ pháp lý; quyền khiếu nại và thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng đối với luật sư*". Trên thực tế, khi có sự việc bất đồng, tranh chấp giữa luật sư với khách hàng về việc thực hiện Hợp đồng dịch vụ pháp lý thì khách hàng sẽ tranh luận nội dung từng điều khoản, nhất là các vấn đề về phạm vi công việc, thù lao, chi phí trong Hợp đồng. Do đó, để tránh khác biệt quan điểm về cách hiểu các nội dung, điều khoản của Hợp đồng, luật sư cần giải thích và ghi rõ trong Hợp đồng dịch vụ pháp lý là luật sư đã giải thích, khách hàng đã được nghe giải thích về quyền, nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

- Quy tắc 10.5 (*Khi nhận vụ việc của khách hàng, luật sư phải ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trong hợp đồng dịch vụ pháp lý phải xác định rõ yêu cầu của khách hàng, mức thù lao và những nội dung chính khác mà hợp đồng dịch vụ pháp lý phải có theo quy định của pháp luật*) là quy tắc bắt buộc luật sư phải tuân thủ. Việc ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý với khách hàng là yêu cầu bắt buộc đối với luật sư. Từ quy tắc này có mối liên hệ đến Điều 26 Luật Luật sư, theo đó thì luật sư phải thực hiện dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý. Hợp đồng dịch vụ pháp lý phải được làm thành văn bản và có những nội dung chính bao gồm: *Tên, địa chỉ của khách hàng và Tổ chức hành nghề luật sư (hoặc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân); Nội dung dịch vụ; Thời hạn thực hiện hợp đồng; Quyền, nghĩa vụ của các bên; Phương thức tính và mức thù lao cụ thể; Các khoản chi phí (nếu có); Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; Phương thức giải quyết tranh chấp*.

Quy tắc 11 (*Những trường hợp luật sư phải từ chối khi tiếp nhận vụ việc của khách hàng)* quy định luật sư ***phải từ chối*** tiếp nhận vụ việc trong các trường hợp: Khách hàng thông qua người khác yêu cầu luật sư mà luật sư biết rõ người này có biểu hiện lợi dụng tư cách đại diện cho khách hàng để mưu cầu lợi ích không chính đáng làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của khách hàng; Khách hàng yêu cầu

dịch vụ pháp lý của luật sư mà luật sư biết rõ khách hàng có ý định lợi dụng dịch vụ đó cho mục đích vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc khách hàng không tự nguyện mà bị phụ thuộc theo yêu cầu của người khác; Có căn cứ rõ ràng xác định khách hàng đã cung cấp chứng cứ giả hoặc yêu cầu của khách hàng trái đạo đức, vi phạm điều cấm của pháp luật; Vụ việc của khách hàng có xung đột về lợi ích theo quy định tại Quy tắc 15.

Như vậy, Quy tắc 11 quy định nếu luật sư biết rõ các trường hợp nêu trong quy tắc thì buộc phải từ chối nhận vụ việc. Trường hợp luật sư biết rõ mà vẫn nhận vụ việc là vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

4. Một số lưu ý đối với các quy tắc về thực hiện vụ việc của khách hàng

Quy tắc 12. Thực hiện vụ việc của khách hàng

12.1. Luật sư chủ động, tích cực giải quyết vụ việc của khách hàng và thông báo tiến trình giải quyết vụ việc để khách hàng biết.

12.2. Luật sư nhận và có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tài liệu, hồ sơ mà khách hàng giao cho mình theo quy định của pháp luật hoặc thỏa thuận với khách hàng.

12.3. Khi thực hiện vụ việc, luật sư phải có thái độ ứng xử phù hợp, tránh làm phát sinh tranh chấp với khách hàng. Nếu có bất đồng giữa luật sư và khách hàng hoặc có khiếu nại của khách hàng, luật sư cần có thái độ đúng mực, tôn trọng khách hàng, chủ động thương lượng, hòa giải với khách hàng.

12.4. Trong trường hợp đang cùng thực hiện một vụ việc, nếu có sự không thống nhất ý kiến giữa các luật sư có thể gây bất lợi cho khách hàng thì luật sư phải thông báo để khách hàng thực hiện quyền lựa chọn

Quy tắc 13. Từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng

*13.1. Luật sư **có thể từ chối** tiếp tục thực hiện vụ việc trong các trường hợp sau đây:*

13.1.1. Khách hàng đưa ra yêu cầu mới mà yêu cầu này không thuộc phạm vi hành nghề luật sư hoặc trái đạo đức, trái pháp luật;

13.1.2. Khách hàng không chấp nhận ý kiến tư vấn giải quyết vụ việc đúng pháp luật, phù hợp với đạo đức do luật sư đưa ra, mặc dù luật sư đã cố gắng phân tích thuyết phục;

13.1.3. Khách hàng vi phạm cam kết theo hợp đồng dịch vụ pháp lý mà các bên không thể thỏa thuận được hoặc quan hệ giữa luật sư với khách hàng bị tổn hại không phải do lỗi của luật sư;

13.1.4. Có sự đe dọa hoặc áp lực về vật chất hoặc tinh thần từ khách hàng hoặc người khác buộc luật sư phải làm trái pháp luật và đạo đức nghề nghiệp;

13.1.5. Có căn cứ xác định khách hàng đã lừa dối luật sư.

*13.2. Luật sư **phải từ chối** tiếp tục thực hiện vụ việc trong các trường hợp sau đây:*

13.2.1. Có căn cứ xác định khách hàng sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư để thực hiện hành vi vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức;

13.2.2. Phát hiện vụ việc thuộc trường hợp quy định tại Quy tắc 11;

13.2.3. Các trường hợp phải từ chối do quy định của pháp luật hoặc trường hợp bất khả kháng.

Quy tắc 14. Giải quyết khi luật sư đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý

Khi đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý theo Quy tắc 13, luật sư cần có thái độ tôn trọng khách hàng, thông báo bằng văn bản cho khách hàng trong thời hạn hợp lý để khách hàng có điều kiện tìm luật sư khác, đồng thời giải quyết nhanh chóng các vấn đề liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết.

Quy tắc 15. Xung đột về lợi ích

15.1. Xung đột về lợi ích là trường hợp do ảnh hưởng từ quyền lợi của luật sư, nghĩa vụ của luật sư đối với khách hàng hiện tại, khách hàng cũ, bên thứ ba dẫn đến tình huống luật sư bị hạn chế hoặc có khả năng bị hạn chế trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng, nghĩa vụ giữ bí mật thông tin của khách hàng.

Luật sư không được nhận hoặc thực hiện vụ việc trong trường hợp có xung đột về lợi ích, trừ trường hợp được phép theo quy định của pháp luật hoặc theo Quy tắc này.

15.2. Trong quá trình thực hiện vụ việc, luật sư cần chủ động tránh để xảy ra xung đột về lợi ích. Nếu phát hiện có xung đột về lợi ích xảy ra ngoài ý muốn của luật sư thì luật sư cần chủ động thông báo ngay với khách hàng để giải quyết.

15.3. Luật sư phải từ chối tiếp nhận vụ việc hoặc từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc trong các trường hợp sau đây:

15.3.1. Vụ việc trong đó các khách hàng có quyền lợi đối lập nhau;

15.3.2. Vụ việc trong đó khách hàng mới có quyền lợi đối lập với khách hàng hiện tại; vụ việc khác của khách hàng là người đang có quyền lợi đối lập với khách hàng hiện tại trong vụ việc luật sư đang thực hiện.

15.3.3. Vụ việc trong đó khách hàng mới có quyền lợi đối lập với khách hàng cũ trong cùng một vụ việc hoặc vụ việc khác có liên quan trực tiếp mà trước đó luật sư đã thực hiện cho khách hàng cũ;

15.3.4. Vụ việc của khách hàng có quyền lợi đối lập với quyền lợi của luật sư hoặc cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của luật sư;

15.3.5. Vụ việc mà luật sư đã tham gia giải quyết với tư cách người tiến hành tố tụng, cán bộ, công chức khác trong cơ quan nhà nước, trọng tài viên, hòa giải viên;

15.3.6. Vụ việc của khách hàng do cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của luật sư đang cung cấp dịch vụ pháp lý có quyền lợi đối lập với khách hàng của luật sư;

15.3.7. Trường hợp luật sư không được nhận hoặc thực hiện vụ việc cho khách hàng quy định tại Quy tắc 15.3 này, luật sư khác đang làm việc trong cùng tổ chức hành nghề luật sư cũng không được nhận hoặc thực hiện vụ việc, trừ trường hợp tại Quy tắc 15.3.4 và 15.3.6.

15.4. Luật sư vẫn có thể nhận hoặc thực hiện vụ việc trong các trường hợp tại Quy tắc 15.3, nếu có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng, trừ các trường hợp sau đây:

15.4.1 Các trường hợp bị cấm theo quy định của pháp luật;

15.4.2 Các vụ án, vụ việc tố tụng, vụ việc khiếu nại hành chính, vụ việc giải quyết tranh chấp theo thủ tục trọng tài, hòa giải thương mại;

15.4.3 Trường hợp tại Quy tắc 15.3.5.

Mục 3 Chương II gồm các quy tắc: Quy tắc 12 (*Thực hiện vụ việc của khách hàng*); Quy tắc 13 (*Từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng*); Quy tắc 14 (*Giải quyết khi luật sư đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý*); Quy tắc 15 (*Xung đột về lợi ích*).

Quy tắc 12 (*Thực hiện vụ việc của khách hàng*) quy định về trách nhiệm và ứng xử của luật sư trong quá trình thực hiện vụ việc của khách hàng. Đây là giai đoạn luật sư thực hiện công việc theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết, tức là cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng.

Quy tắc 12 quy định các trách nhiệm của luật sư, bao gồm:

- *Quy tắc 12.1:* Luật sư chủ động, tích cực giải quyết vụ việc của khách hàng và thông báo tiến trình giải quyết vụ việc để khách hàng biết.

- *Quy tắc 12.2:* Luật sư nhận và có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tài liệu, hồ sơ mà khách hàng giao cho mình theo quy định của pháp luật hoặc thỏa thuận với khách hàng.

- *Quy tắc 12.3*: Khi thực hiện vụ việc, luật sư phải có thái độ ứng xử phù hợp, tránh làm phát sinh tranh chấp với khách hàng. Nếu có bất đồng giữa luật sư và khách hàng hoặc có khiếu nại của khách hàng, luật sư cần có thái độ đúng mực, tôn trọng khách hàng, chủ động thương lượng, hòa giải với khách hàng.

- *Quy tắc 12.4:* Trong trường hợp đang cùng thực hiện một vụ việc, nếu có sự không thống nhất ý kiến giữa các luật sư có thể gây bất lợi cho khách hàng thì luật sư phải thông báo để khách hàng thực hiện quyền lựa chọn.

Quy tắc 13 (*Từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng*) là Quy tắc quy định về việc luật sư được từ chối thực hiện vụ việc của khách hàng trong giai đoạn sau khi đã ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý đối với khách hàng. Quy tắc này chia làm 02 phần quy định, gồm phần quy định về các trường hợp luật sư ***có thể từ chối***, và phần luật sư ***phải từ chối*** tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng.

Các trường hợp luật sư được quyền chọn lựa ứng xử và ***có thể từ chối*** tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng, gồm:

- Khách hàng đưa ra yêu cầu mới mà yêu cầu này không thuộc phạm vi hành nghề luật sư hoặc trái đạo đức, trái pháp luật;

- Khách hàng không chấp nhận ý kiến tư vấn giải quyết vụ việc đúng pháp luật, phù hợp với đạo đức do luật sư đưa ra, mặc dù luật sư đã cố gắng phân tích thuyết phục;

- Khách hàng vi phạm cam kết theo hợp đồng dịch vụ pháp lý mà các bên không thể thỏa thuận được hoặc quan hệ giữa luật sư với khách hàng bị tổn hại không phải do lỗi của luật sư;

- Có sự đe dọa hoặc áp lực về vật chất hoặc tinh thần từ khách hàng hoặc người khác buộc luật sư phải làm trái pháp luật và đạo đức nghề nghiệp;

- Có căn cứ xác định khách hàng đã lừa dối luật sư.

Các trường hợp quy định luật sư ***phải từ chối*** tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng gồm:

- Có căn cứ xác định khách hàng sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư để thực hiện hành vi vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức;

- Phát hiện vụ việc thuộc trường hợp quy định tại Quy tắc 11;

- Các trường hợp phải từ chối do quy định của pháp luật hoặc trường hợp bất khả kháng.

Quy tắc 14 (*Giải quyết khi luật sư đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý)* là quy tắc quy định về thái độ, ứng xử của luật sư khi đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý theo Quy tắc 13, theo đó thì dù cho chấm dứt nhưng luật sư cần có thái độ tôn trọng khách hàng, thông báo bằng văn bản cho khách hàng trong thời hạn hợp lý để khách hàng có điều kiện tìm luật sư khác, đồng thời giải quyết nhanh chóng các vấn đề liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết.

Quy tắc 15 *(Xung đột về lợi ích)* của Bộ quy tắc mới có những nội dung thay đổi khá nhiều so với Quy tắc 11 - cũ (*Giải quyết xung đột lợi ích*). Trong Quy tắc 15 này, các nội dung định nghĩa về xung đột lợi ích mang tính bao quát hơn, rộng hơn so với Quy tắc cũ. Những phần diễn giải về các trường hợp xung đột lợi ích cũng chi tiết, cụ thể và có phạm vi rộng hơn so với quy tắc cũ.

Xung đột về lợi ích được định nghĩa tại Quy tắc 15.1, theo đó thì: *Xung đột về lợi ích là trường hợp do ảnh hưởng từ quyền lợi của luật sư, nghĩa vụ của luật sư đối với khách hàng hiện tại, khách hàng cũ, bên thứ ba dẫn đến tình huống luật sư bị hạn chế hoặc có khả năng bị hạn chế trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng, nghĩa vụ giữ bí mật thông tin của khách hàng.*

Quy tắc 15.1 cũng quy định: *Luật sư không được nhận hoặc thực hiện vụ việc trong trường hợp có xung đột về lợi ích, trừ trường hợp được phép theo quy định của pháp luật hoặc theo Quy tắc này* (Tức các nội dung trong Quy tắc 15).

Quy tắc 15.2 quy định trách nhiệm của luật sư trong việc chủ động tránh để xảy ra xung đột về lợi ích. Đồng thời, khi phát hiện có xung đột về lợi ích xảy ra ngoài ý muốn của luật sư thì luật sư cần chủ động thông báo ngay với khách hàng để giải quyết.

Quy tắc 15.3 quy định các trường hợp xung đột về lợi ích mà luật sư ***phải từ chối tiếp nhận vụ việc*** hoặc ***từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc*** trong các trường hợp sau đây: *Vụ việc trong đó các khách hàng có quyền lợi đối lập nhau; Vụ việc trong đó khách hàng mới có quyền lợi đối lập với khách hàng hiện tại; vụ việc khác của khách hàng là người đang có quyền lợi đối lập với khách hàng hiện tại trong vụ việc luật sư đang thực hiện; Vụ việc trong đó khách hàng mới có quyền lợi đối lập với*

khách hàng cũ trong cùng một vụ việc hoặc vụ việc khác có liên quan trực tiếp mà trước đó luật sư đã thực hiện cho khách hàng cũ; Vụ việc của khách hàng có quyền lợi đối lập với quyền lợi của luật sư hoặc cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của luật sư; Vụ việc mà luật sư đã tham gia giải quyết với tư cách người tiến hành tố tụng, cán bộ, công chức khác trong cơ quan nhà nước, trọng tài viên, hòa giải viên; Vụ việc của khách hàng do cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của luật sư đang cung cấp dịch vụ pháp lý có quyền lợi đối lập với khách hàng của luật sư.

Quy tắc 15.3.7 quy định trường hợp luật sư không được nhận hoặc thực hiện vụ việc cho khách hàng quy định tại Quy tắc 15.3 này thì luật sư khác đang làm việc trong cùng tổ chức hành nghề luật sư cũng không được nhận hoặc thực hiện vụ việc, ngoài trừ trường hợp tại Quy tắc 15.3.4 (*Vụ việc của khách hàng có quyền lợi đối lập với quyền lợi của luật sư hoặc cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của luật sư)* và 15.3.6 (*Vụ việc của khách hàng do cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của luật sư đang cung cấp dịch vụ pháp lý có quyền lợi đối lập với khách hàng của luật sư).*

Quy tắc 15.4 quy định là luật sư vẫn có thể nhận hoặc thực hiện vụ việc trong các trường hợp tại Quy tắc 15.3, nếu có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng. Tuy nhiên, ngoại trừ các trường hợp: Các trường hợp bị cấm theo quy định của pháp luật; Các vụ án, vụ việc tố tụng, vụ việc khiếu nại hành chính, vụ việc giải quyết tranh chấp theo thủ tục trọng tài, hòa giải thương mại; Trường hợp tại Quy tắc 15.3.5 *(Vụ việc mà luật sư đã tham gia giải quyết với tư cách người tiến hành tố tụng, cán bộ, công chức khác trong cơ quan nhà nước, trọng tài viên, hòa giải viên*).

Chúng ta cần chú ý rằng xung đột lợi ích thể hiện rất đa dạng, kể cả trong hoạt động tố tụng, tư vấn và các dịch vụ pháp lý ngoài tố tụng. Do vậy, khi luật sư nhận thực hiện vụ việc của khách hàng thì cần quan tâm đánh giá vụ việc mà mình dự định nhận thực hiện, hoặc đã nhận và đang thực hiện có thuộc trường hợp xung đột lợi ích hay không để chủ động đưa ra quyết định nhận vụ việc, hoặc chủ động chấm dứt thực hiện vụ việc (nếu đã nhận mà khi nhận không phát hiện xung đột lợi ích).

II. THỰC TIỄN VI PHẠM ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP LUẬT SƯ

1. Một số số liệu về tình hình khiếu nại, tố cáo, vi phạm kỷ luật

****Về số liệu tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật chung đối với luật sư trên phạm vi cả nước từ trước đến nay:***

Theo dõi các số liệu thống kê của Liên đoàn luật sư thì kể từ giữa năm 2009 đến cuối năm 2025, Liên đoàn luật sư Việt Nam đã nhận được khoảng gần **3.500 trường hợp** khiếu nại, tố cáo đối với luật sư, người tập sự hành nghề luật sư, các

Ban Chủ nhiệm, thành viên Ban Chủ nhiệm của các Đoàn luật sư. Tuy nhiên đa số là các trường hợp khiếu nại, tố cáo vượt cấp hoặc khiếu nại, tố cáo không đúng thẩm quyền. Có khoảng ***600 trường hợp*** là thuộc thẩm quyền giải quyết của Liên đoàn luật sư Việt Nam.

Theo ghi nhận từ thông tin báo cáo của các Đoàn luật sư thì ***từ 2009 đến tháng hết 2025***, các Đoàn luật sư đã xử lý vi phạm khoảng ***2.000 trường hợp***, trong đó xử lý *xóa tên* đối với khoảng hơn 1.500 luật sư. Trong số luật sư bị xóa tên thì có khoảng 1.400 luật sư bị ĐLS Hà Nội và ĐLS Tp.HCM và các Đoàn luật sư khác xóa tên do "vi phạm nghĩa vụ đóng phí thành viên", thuộc trường hợp đương nhiên bị xóa tên.

Trước nay có khoảng hơn ***120 luật sư bị xử lý kỷ luật xóa tên*** do vi phạm nghiêm trọng Luật luật sư, đạo đức nghề nghiệp luật sư. Trong những trường hợp vi phạm kỷ luật thì đa số là vi phạm liên quan đến quan hệ giữa luật sư với khách hàng, trong đó chủ yếu là vi phạm về việc nhận tiền, chiếm giữ, sử dụng tiền của khách hàng không đúng quy định về hành nghề luật sư. Thậm chí, một số trường hợp có biểu hiện tiêu cực trong hành nghề.

****Về tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm kỷ luật trong hoạt động luật sư cả nước năm 2025***:

Theo *Báo cáo tổng kết* về tổ chức, hoạt động năm 2025 của Liên đoàn Luật sư Việt Nam số 03/BC-LĐLSVN ngày 23/01/2026 thì riêng trong năm 2025 Liên đoàn Luật sư Việt Nam nhận được **507**[1] đơn thư có nội dung khiếu nại, tố cáo liên quan đến luật sư, người tập sự hành nghề luật sư. Trong đó có **95** đơn thư, khiếu nại, tố cáo (**59** vụ việc) thuộc thẩm quyền giải quyết của Liên đoàn; **181** trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Đoàn Luật sư; **45** trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết của Liên đoàn, Đoàn Luật sư; còn lại là các trường hợp gửi báo cáo kết quả giải quyết, đề nghị phối hợp hoặc xin ý kiến của Liên đoàn. Phần lớn các đơn thư có nội dung khiếu nại, tố cáo luật sư vi phạm đạo đức, ứng xử nghề nghiệp, tranh chấp về thù lao giữa luật sư với khách hàng. Trong số các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Liên đoàn, Ban Thường vụ Liên đoàn giải quyết đúng quy định.

Trong số vụ việc được Ban Thường vụ giải quyết trong năm 2025 thì có **05** vụ việc Liên đoàn sửa quyết định kỷ luật của Đoàn Luật sư, **02** vụ việc Liên đoàn huỷ Quyết định kỷ luật của Đoàn Luật sư và giao lại Đoàn Luật sư xem xét giải

[1] Số liệu tính đến ngày 31/12/2025

quyết lại, **02** vụ việc Liên đoàn trả hồ sơ cho Đoàn Luật sư để xem xét, giải quyết lại, **03** vụ việc Liên đoàn có văn bản nhắc nhở đối với luật sư thành viên. Liên đoàn đã phối hợp chặt chẽ với Đoàn Luật sư để giải quyết các đơn, thư khiếu nại, tố cáo. So với năm 2024, số đơn, thư khiếu nại, tố cáo có giảm hơn (năm 2024 là **525** đơn thư).

Trong năm 2025 các Đoàn Luật sư đã xử lý kỷ luật xóa tên 05 luật sư do vi phạm đạo đức nghề nghiệp luật sư, xóa tên 03 luật sư do bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật, xoá tên 61 luật sư do vi phạm nghĩa vụ đóng phí thành viên. Bên cạnh đó, các Đoàn Luật sư đã xử lý kỷ luật có **37** trường hợp trường hợp vi phạm đạo đức nghề nghiệp bằng các hình thức tạm đình chỉ tư cách thành viên, cảnh cáo, khiển trách.

Ngoài ra, năm 2025 có 04 trường hợp luật sư bị khởi tố hình sự nên Đoàn Luật sư áp dụng biện pháp "*Tạm đình chỉ tư cách thành viên*". Đây là biện pháp ngăn chặn theo Điều 32 *Quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật* ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-HĐLSTQ ngày 08/03/2023 của Hội đồng luật sư toàn quốc, nhằm mục đích ngăn chặn việc luật sư tiếp tục hành nghề trong thời gian đang bị khởi tố để chờ kết quả giải quyết của cơ quan tố tụng. Biện pháp này không phải là hình thức kỷ luật.

2. Những nội dung khiếu nại, tố cáo thường gặp:

****Về các loại nội dung khiếu nại, tố cáo thường gặp:***

Qua nghiên cứu, tổng hợp nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh của các cá nhân, tổ chức thì chúng tôi nhận thấy các dạng khiếu nại, tố cáo thường thể hiện như sau:

- Đa số các trường hợp khiếu nại là khách hàng của luật sư khiếu nại đối với luật sư liên quan đến việc thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý. Chủ yếu khách hàng không hài lòng về chất lượng công việc mà luật sư đã thực hiện so với số tiền mà khách hàng đã thanh toán cho luật sư nên khiếu nại đòi lại một phần hoặc toàn bộ tiền thù lao;
- Khá nhiều trường hợp luật sư bị khiếu nại do cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng nhưng không ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng văn bản thông qua TCHNLS theo Điều 26 Luật Luật sư và Quy tắc 10.5 Bộ quy tắc đạo đức;
- Nhiều trường hợp khách hàng cho rằng luật sư sách nhiễu, vòi vĩnh tiền, đòi thêm, nhận thêm tiền ngoài số tiền thù lao, chi phí đã thoả thuận;

- Khá nhiều trường hợp người khiếu nại, tố cáo cho rằng luật sư nhận vụ việc trong tình trạng xung đột lợi ích, vi phạm đạo đức nghề nghiệp luật sư;

- Một số trường hợp khách hàng cho rằng luật sư cam kết, hứa hẹn kết quả nhưng không thực hiện được công việc như đã hứa;

- Một số trường hợp khách hàng cho rằng luật sư nhận tiền, sử dụng tiền của khách hàng không đúng nội dung thoả thuận, không đúng mục đích công việc;

- Một số trường hợp khách hàng cho rằng luật sư không hoàn trả lại tài liệu mà khách hàng đã bàn giao cho luật sư nhằm sử dụng cho công việc dịch vụ pháp lý;

- Một số trường hợp khách hàng khiếu nại vì luật sư làm việc thiếu nhiệt tình, thiếu trách nhiệm hoặc có thái độ không đúng đắn, xúc phạm khách hàng;

- Một số trường hợp khách hàng tố cáo luật sư tiết lộ bí mật thông tin, đời tư cá nhân của khách hàng mà không dược sự đồng ý của khách hàng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi vật chất hoặc đời sống tinh thần của khách hàng và gia đình, người thân của họ.

****Về Chủ thể thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo:***

Thông thường, người khiếu nại, tố cáo luật sư là khách hàng cảu luật sư. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp thì người khiếu nại, tố cáo không phải là khách hàng mà là những cá nhân, tổ chức có quyền lợi đối lập với phía luật sư. Những người khiếu nại, tố cáo trong trường hợp này thường khiếu nại, tố cáo vì các lý do:

- Cho rằng luật sư nhận thực hiện vụ việc trong tình trạng xung đột lợi ích;
- Xúi giục khách hàng phía bên luật sư khai báo không đúng sự thật, cung cấp chứng cứ giả, dùng các thủ thuật, thủ đoạn kéo dài sự việc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, vụ việc;
- Luật sư có lời nói, thái độ không chuẩn mực, xúc phạm bên đối lập, vi phạm đạo đức nghề nghiệp luật sư;
- Luật sư phát ngôn trên các diễn đàn truyền thông, mạng xã hội có nội dung xâm phạm đến danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khiếu nại, tố cáo.

Một số trường hợp cơ quan tố tụng, cơ quan hành chính nhà nước hoặc các cơ quan khác có văn bản gửi Liên đoàn luật sư, Đoàn luật sư để yêu cầu xử lý luật sư do cho rằng luật sư có những ứng xử không chuẩn mực, có hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm cơ quan tố tụng, cán bộ tố tụng, cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước

khi tham gia tố tụng, tham gia cung cấp dịch vụ hành chính pháp lý hoặc tham gia các hoạt động xã hội khác.

3. Các trường hợp vi phạm phổ biến:

Qua theo dõi về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm, thực trạng tình hình vi phạm trong đội ngũ luật sư trên phạm vi cả nước, chúng tôi nhận thấy các luật sư bị Đoàn Luật sư, Liên đoàn luật sư Việt Nam xử lý kỷ luật thường là trong các trường hợp sau đây:

- Luật sư vi phạm do nhận thực hiện dịch vụ pháp lý nhưng không ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý với khách hàng thông qua TCHNLS theo quy định. Phổ biến nhất trong loại hình vi phạm này là luật sư tự dùng tư cách cá nhân nhận thực hiện dịch vụ pháp lý, lập văn bản uỷ quyền để nhận uỷ quyền tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng mà không thông qua TCHNLS.
- Luật sư vi phạm do nhận thêm tiền, lợi ích vật chất ngoài nội dung thù lao, chi phí đã thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý.
- Luật sư vi phạm do có hành vi sách nhiễu, vòi vĩnh khách hàng.
- Luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý cho các khách hàng có quyền lợi đối lập, xung đột lợi ích.
- Luật sư hứa hẹn, cam kết bảo đảm kết quả về những nội dung nằm ngoài khả năng, điều kiện thực hiện của mình. Ví dụ: cam kết khách hàng được hưởng án treo, cam kết về giới hạn mức án mà bị cáo sẽ được trong vụ án hình sự, cam kết cấp giám đốc thẩm sẽ huỷ án, ….
- Luật sư khoe khoang, ám chỉ về mối quan hệ cá nhân với Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng để tạo tâm lý tin cậy, tạo lợi thế trong việc nhận dịch vụ pháp lý.
- Luật sư nhận, quản lý tiền, tài sản của khách hàng để thực hiện các công việc (nộp án phí, các chi phí tố tụng, các chi phí phục vụ cho công việc, …), nhưng sử dụng riêng, không hoàn trả cho khách hàng khi không sử dụng hoặc sử dụng không hết.
- Luật sư được khách hàng uỷ quyền đại diện trong tố tụng, ngoài tố tụng khi đạt được kết quả, thay mặt cho khách hàng nhận được tiền, tài sản của phía đối lập trong quan hệ tranh chấp hoặc phía đối tác trong quan hệ dân sự, kinh tế, nhưng sau đó chiếm giữ mà không giao lại cho khách hàng.
- Có trường hợp, luật sư khi liên hệ với phía đương sự đối lập với khách hàng của mình để làm việc, thương lượng, thoả thuận về tranh chấp nhưng không thông báo cho luật sư của bên đương sự đó biết (vi phạm *Quy tắc 21.3 Bộ quy tắc*).

- Luật sư tiết lộ bí mật thông tin của khách hàng thông qua quan hệ truyền thông như viết bài trên mạng xã hội, trả lời phỏng vấn các Youtuber, ….
- Gần đây, xuất hiện hiện tượng một số luật sư nhân danh nghề nghiệp luật sư, tư cách luật sư có những lời phát biểu, bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội với nội dung sai trái, ngôn phong, thái độ thể hiện sự lệch lạc về chuẩn mực ứng xử, vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp luật sư, gây ảnh hưởng xấu đối với danh dự, uy tín của cá nhân, tổ chức, lợi ích cộng đồng, lợi ích xã hội và làm mất uy tín đối với đội ngũ luật sư. Trong số đó, một số trường hợp đã bị Đoàn luật sư xử lý kỷ luật. Thậm chí, có luật sư còn phải chịu xử lý về hình sự.

- Hiện tượng luật sư vi phạm trong việc không đóng phí thànhviên từ 18 tháng trở lên và *đương nhiên phải chịu kỷ luật xoá tên* theo *điểm c khoản 5 Điều 39* và *điểm b khoản 3 Điều 42* Điều lệ LĐLSVN cũng là vấn đề cần quan tâm, lưu ý, cố gắng tránh vi phạm. và như đề cập bên trên, chỉ riêng trong năm 2023 và 2024 các Đoàn Luật sư (phần lờn là Đoàn Luật sư Hà Nội và Đoàn Luật sư TP.HCM) đã xử lý kỷ luật xoá tên hàng nghìn luật sư do vi phạm nghĩa vụ đóng phí thành viên.

- Luật sư vi phạm pháp luật nên bị xử lý về hình sự, dẫn đến việc bị Đoàn luật sư xoá tên.

- Đối với người tập sự hành nghề luật sư, một số trường hợp vi phạm các quy định về tập sự và phải chịu xử lý ở các hình thức, mức độ khác nhau.

4. Quan điểm giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm tại một số Đoàn luật sư

Trong nhiều năm qua, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm tại các Đoàn luật sư được thực hiện thống nhất theo hướng dẫn, quy định của Liên đoàn luật sư Việt Nam. Do đó, việc nhận thức, đánh giá, đưa ra kết luận giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo, xử lý vi phạm, áp dụng biện pháp xử lý, hình thức kỷ luật tại các Đoàn luật sư ngày càng có sự tương đồng hơn, thống nhất hơn.

Tuy nhiên, trong góc nhìn, cách đánh giá, quan điểm giải quyết, xử lý của các thành viên Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật, Ban Chủ nhiệm các Đoàn luật sư đối với từng trường hợp cụ thể, từng nhóm hành vi vi phạm không phải lúc nào cũng có sự thống nhất nhau.

Quan điểm trong việc đánh giá vi phạm, quan điểm về xử lý vi phạm, hoặc áp dụng hình thức kỷ luật, lượng hoá mực độ xử lý trong nhiều trường hợp vẫn còn thiếu sự thống nhất. Trong từng Hội đồng khen thưởng, kỷ luật, hoặc từng Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư địa phương, khi đưa ra xem xét, đánh giá về một trường hợp cụ

thể để giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm vẫn có thể có các quan điểm khác biệt nhau giữa các thành viên. Quan điểm chung của Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật và quan điểm chung của Ban Chủ nhiệm trong nhiều trường hợp cũng khác nhau, thậm chí có những trường hợp khác xa nhau.

Ví dụ, nhiều trường hợp khách hàng gửi Đơn khiếu nại, tố cáo luật sư liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng dịch vụ pháp lý. Sau đó khách hàng rút đơn khiếu nại do luật sư và khách hàng đã tự giải quyết với nhau, không còn mâu thuẫn, tranh chấp. Những trường hợp này, rất nhiều Đoàn luật sư chấm dứt việc giải quyết mà không cần đi vào xác minh, xem xét về mặt nội dung để xem luật sư có vi phạm đạo đức nghề nghiệp luật sư trong quan hệ với khách hàng hay không. Tuy nhiên, một số Đoàn luật sư vẫn tiếp tục xác minh nội dung sự việc, và nếu xác định luật sư có hành vi vi phạm về hành nghề luật sư trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý thì vẫn tiến hành xử lý. Việc luật sư khắc phục hậu quả kinh tế trong quan hệ dịch vụ pháp lý hoặc đàm phán, thoả thuận để khách hàng rút đơn khiếu nại, tố cáo thì có thể được Đoàn luật sư xem là tình tiết giảm nhẹ để xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm kỷ luật, chứ không dược xem là căn cứ chấm dứt thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Ví dụ khác, có những trường hợp luật sư phát ngôn, đăng tải bằng những video clips, những bài viết trên các trang mạng xã hội như zalo, facebook cá nhân, các diễn đàn mạng xã hội khác, …. có nội dung mang tính xúc phạm, ảnh hưởng danh dự, uy tín của tổ chức, cá nhân khác thì có những trường hợp Đoàn luật sư xử lý khá nặng, có những trường hợp Đoàn luật sư chỉ nhắc nhở riêng đối với luật sư, hoặc nhắc nhở rút kinh nghiệm chung.

Hoặc là, đối với những trường hợp luật sư vi phạm nghĩa vụ đóng phí thành viên Đoàn luật sư, phí thành viên Liên đoàn luật sư với thời gian từ 18 tháng trở lên (thuộc trường hợp kỷ luật bằng hình thức "*xoá tên*"), thì một số Đoàn Luật sư đã đẩy mạnh việc rà soát nghĩa vụ đóng phí và xử lý rất nghiêm, áp dụng hình thức kỷ luật "xoá tên" đối với rất nhiều luật sư vi phạm. Trong khi đó, một số Đoàn luật sư đến nay cũng chưa thực hiện xử lý đối với hình thức vi phạm này.

Chúng tôi nhận thấy rằng, còn khá nhiều trường hợp có sự khác biệt về quan điểm đánh giá, giải quyết của những người làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật luật sư tại các Đoàn luật sư. Bên cạnh đó, thông lệ giải quyết, quan điểm phân tích, đánh giá, mức độ chế tài áp dụng về các tình huống cụ thể tại các Đoàn luật sư trong nhiều trường hợp cũng có sự khác nhau, mặc dù các vụ việc có diễn biến nội dung tương tự nhau.

5. Một số khuyến nghị

****Đối với từng cá nhân luật sư:***

Xét về góc độ chung, các luật sư cố gắng tuân thủ, giữ gìn các giá trị, chuẩn mực theo các nội dung quy tắc cụ thể trong Bộ quy tắc đạo đức, không để xảy ra vi phạm đạo đức nghề nghiệp luật sư, vừa ảnh hưởng đến thanh danh, uy tín của cá nhân luật sư, vừa ảnh hưởng đến uy tín của tập thể đội ngũ luật sư.

Riêng đối với quan hệ thường xuyên, phổ biến nhất của hoạt động nghề nghiệp luật sư là quan hệ giữa luật sư với khách hàng, ngoài việc xây dựng, củng cố, duy trì, gìn giữ niềm tin của khách hàng, của xã hội theo những chuẩn mực chung của Bộ quy tắc đạo đức, trong phạm vi bài viết này, quan điểm của người viết là luật sư khi hành nghề thì cần quan tâm ứng xử đối với một số vấn đề sau đây trong quan hệ giữa luật sư với khách hàng:

- Trong khâu tiếp nhận vụ việc của khách hàng, cần xác lập quan hệ dịch vụ đúng quy định. Cụ thể là giữa tổ chức hành nghề của luật sư với khách hàng phải có hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng văn bản với đầy đủ các nội dung chính theo quy định của Điều 26 Luật luật sư, trong đó cần xác định rõ: Phạm vi và nội dung dịch vụ; thời hạn thực hiện hợp đồng; Quyền, nghĩa vụ của các bên; Phương thức tính và mức thù lao cụ thể; Các khoản chi phí (nếu có); Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; Phương thức giải quyết tranh chấp.
- Đối với thù lao, nếu công việc là một tiến trình gồm nhiều giai đoạn, nhiều hạng mục công việc thì nên phân chia rõ là mỗi giai đoạn công việc tương ứng mức thù lao là bao nhiêu. Ví dụ, trong vụ án dân sự thì có thể phân chia làm các giai đoạn gồm: lập hồ sơ khởi kiện, giai đoạn tham gia tố tụng trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, giai đoạn từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến xét xử sơ thẩm xong, giai đoạn phúc thẩm, giai đoạn tư vấn, đại diện thi hành án dân sự, … Tương ứng mỗi giai đoạn xác định mức thù lao cụ thể, tránh trường hợp thỏa thuận chung một số tiền trọn gói, khi xảy ra tranh chấp không phân định được công sức luật sư bỏ ra tương ứng là bao nhiêu tiền. Do đó, rất dễ dẫn đến các cách đánh giá khác nhau, có thể bất lợi cho luật sư.
- Luật sư cần thỏa thuận rõ với khách hàng, phân biệt mức giá trị ghi trong hợp đồng là bao gồm thù lao hay bao gồm cả thù lao và chi phí. Luật sư có thể thỏa thuận cách tính chi phí (các khoản ăn ở, đi lại, chi phí trang trải cho hoạt động liên quan đến công việc) với khách hàng và tách thành mục riêng trong Hợp đồng. Chi phí có thể thỏa thuận thanh toán theo thực tế hoặc trọn gói cho luật sư.

- Về căn cứ và phương thức tính thù lao, trong các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại, hành chính thì tuyệt đối tránh việc thỏa thuận lập các văn bản về hứa thưởng. Luật sư nên xác lập lợi ích của mình ngay trong Hợp đồng (hoặc phụ lục hợp đồng), có thể xác định thù lao luật sư theo ***tỷ lệ phần trăm*** của giá ngạch vụ kiện hoặc giá trị hợp đồng, giá trị dự án. Bởi lẽ, theo Điểm đ khoản 1 Điều 9 Luật luật sư thì một trong các hành vi bị nghiêm cấm là "*Nhận, đòi hỏi thêm bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ khách hàng ngoài khoản thù lao và chi phí đã thoả thuận với khách hàng trong hợp đồng dịch vụ pháp lý".* Do vậy, hiện nay có nhiều quan điểm cho rằng việc thỏa thuận "hứa thưởng", "thưởng thêm", "thưởng bổ sung" là vi phạm Luật luật sư và đạo đức nghề nghiệp luật sư.
- Khi nhận vụ việc của khách hàng, luật sư cần quan tâm đánh giá để xác định có xảy ra tình trạng xung đột lợi ích khi nhận vụ việc đó hay không, nhất là khi cùng một lúc luật sư nhận tư vấn, bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho nhiều cá nhân, tổ chức trong cùng một vụ việc. Trường hợp này, luật sư cần quan tâm đánh giá bản chất quan hệ pháp luật đang tranh chấp, đang xem xét xử lý trong vụ việc để xem trong đó có yếu tố đối lập và lợi ích hoặc các trường hợp xung đột lợi ích khác giữa các khách hàng mà mình nhận cung cấp dịch vụ pháp lý hay không.
- Khi luật sư đại diện cho khách hàng trong tố tụng, ngoài tố tụng thì giữa luật sư với khách hàng cần lập văn bản xác định rõ phạm vi đại diện, tránh trường hợp khách hàng khiếu nại, cho rằng luật sư tự ý thỏa thuận, thực hiện công việc vượt quá phạm vi đại diện, nhất là các trường hợp luật sư đại diện đàm phán, thương lượng với đối tác hoặc phía đối lập của khách hàng về những vấn đề liên quan đến lợi ích kinh tế.
- Khi thực hiện công việc cho khách hàng theo hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết, luật sư cố gắng theo dõi, nắm rõ phạm vi công việc đã thỏa thuận với khách hàng, tránh trường hợp làm thiếu công việc (không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ), hoặc làm thừa công việc (vượt phạm vi trách nhiệm). Cả hai tình huống đều có nguy cơ rủi ro khi công việc không thành công và bị khách hàng khiếu nại.
- Khi luật sư và khách hàng có bất đồng, mâu thuẫn hoặc tranh chấp và khách hàng khiếu nại thì cố gắng hòa giải, tự giải quyết, tránh cố chấp, bảo thủ quan điểm. Thực tiễn xử lý khiếu nại, tố cáo thì quan điểm người làm công tác xử lý cũng có thể có những quan điểm, góc nhìn khác nhau. Do đó, luật sư không nên chủ quan và cho rằng mình luôn đúng, khách hàng luôn sai. Khi cần thiết, luật sư cũng cần phải nhượng bộ khách hàng, hy sinh một phần lợi ích để đổi lấy sự an toàn cho vị trí nghề nghiệp.

- Và tình hình gần đây, số vụ việc luật sư vi phạm nghĩa vụ đóng phí thành viên Đoàn luật sư, phí thành viên LĐLSVN (từ 18 tháng trở lên) và phải chịu hình thức kỷ luật xoá tên là rất nhiều, do vậy các luật sư cần quan tâm theo dõi, thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ để tránh vi phạm.
- Về sử dụng phương tiện truyền thông, mạng xã hội, trang mạng cá nhân, luật sư cần cẩn trọng, tránh việc đưa thông tin về các vụ việc của khách hàng lên mạng xã hội, tránh việc trả lời phỏng vấn, đưa ra những bình luận về các vụ việc cụ thể có khả năng gây ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, cơ quan, tổ chức, vi phạm các quy định về an ninh mạng.
- Đối với hoạt động tập sự hành nghề luật sư, Luật sư hướng dẫn, người quản lý đối với tổ chức hành nghề luật sư cần quan tâm, tránh để người tập sự hành nghề luật sư phải đại diện tham gia tố tụng tại Toà án hoặc các cơ quan tố tụng khác. Về quan điểm này, trên thực tiễn có những cách hiểu khác nhau, nhưng chúng ta cần quan tâm tránh xảy ra tình trạng này, vì có thể dẫn đến một số hậu quả bất lợi, đáng tiếc đối với quyền lợi của anh chị em đang tham gia tập sự hành nghề luật sư.

Đối với những người làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm kỷ luật:

Trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm kỷ luật, các thành viên Hội đồng khen thưởng, kỷ luật hoặc Ban Chủ nhiệm cũng cần nắm rõ nội dung các quy định của Luật luật sư, Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam, *Quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật* ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-HĐLSTQ ngày 08/03/2023 của Hội đồng luật sư toàn quốc và các văn bản nội bộ có liên quan để áp dụng, vận dụng trong quá trình giải quyết, xử lý đối với từng trường hợp cụ thể.

Quá trình thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong luật sư cần kết hợp hài hoà giữa chức năng bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của luật sư với nhiệm vụ gìn giữ kỷ cương, kỷ luật nội bộ; giữ sự cân bằng, hài hoà giữa những khó khăn đặc trưng của nghề nghiệp luật sư với các lợi ích chính đáng của khách hàng hoặc các cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến việc hành nghề luật sư. Trên cơ sở đó, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật đưa ra quan điểm tham mưu đề xuất, Ban Chủ nhiệm đưa ra kết luận giải quyết, biện pháp xử lý hoặc mức chế tài phù hợp, không quá hà khắc nhưng cũng không xuê xoa, dễ dãi, bao che nội bộ.

III. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG THỰC TIỄN VỀ VI PHẠM CỦA LUẬT SƯ TRONG QUÁ TRÌNH HÀNH NGHỀ VÀ QUAN ĐIỂM XỬ LÝ CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ, LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

<u>1. Vụ việc thứ nhất</u>: Trường hợp vi phạm của Luật sư N trong quan hệ dịch vụ pháp lý với khách hàng

a) Tóm tắt nội dung vụ việc

Ngày 16/4/2012 Công ty luật N do Luật sư N làm Giám đốc ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số với ông Nguyễn Văn A với nội dung Công ty luật sẽ đại diện ủy quyền cho bà Huỳnh Thị B (đang định cư tại Mỹ) tiến hành vụ khởi kiện tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa Bà B với ông Lê Văn C.

Ngày 01/4/2013, ông Nguyễn Văn A có đơn tố cáo gửi ĐLS với nội dung: Theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý, ông A đã giao cho Luật sư N là 15 triệu đồng và 3.300USD với mục đích thanh toán tiền thù lao thỏa thuận là 50 triệu đồng và tiền đóng án phí, đo đạc… Nhưng kể từ ngày ký HĐDVPL, luật sư không thực hiện HĐ (gần 01 năm), ông A liên lạc với Tòa án thì vụ việc chưa có nộp đơn khởi kiện, toàn bộ vụ việc là do Luật sư N dối gạt ông, ông liên lạc điện thoại thì luật sư không nghe máy.

Đoàn luật sư có văn bản đề nghị Luật sư N giải trình đơn tố cáo của ông Nguyễn Văn A gửi về Đoàn luật sư trước ngày 15/4/2013. Ngày 14/4/2013, Luật sư N có văn bản xin gia hạn thời gian giải trình sau ngày 30/4/2013 để giải quyết các vấn đề mà ông A khiếu nại. Ngày 27/4/2013, Cty luật TNHH N và ông A thanh lý HĐDVPL với nội dung ông A sẽ nhận lại từ Luật sư N là 50 triệu đồng chia làm hai đợt.

Ngày 07/5/2013, Đoàn luật sư có giấy mời Luật sư N đến dự cuộc họp với Hội đồng khen thưởng – kỷ luật vào ngày 11/5/2013 để giải quyết đơn khiếu nại của ông A. Ngày 11/5/2013 Hội đồng khen thưởng – kỷ luật tổ chức họp nhưng do Luật sư N vắng mặt có điện thoại xin hoãn họp. Ngày 13/5/2013, ĐLS có giấy mời Luật sư N đến dự cuộc họp với Hội đồng khen thưởng – kỷ luật vào ngày 17/5/2013 để giải quyết đơn khiếu nại của ông A. Ngày 17/5/2013 Hội đồng khen thưởng – kỷ luật tổ chức họp lần 2 nhưng Luật sư N vẫn vắng mặt không có lý do, không giải trình.

Hội đồng khen thưởng – kỷ luật cho rằng luật sư N đã bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo, chưa hết hạn xóa kỷ luật. Luật sư N vắng mặt tại cuộc họp không có lý do, không nộp văn bản giải trình theo yêu cầu. Hội đồng khen thưởng – kỷ luật kết luận Luật sư N vi phạm ***Khoản 1, 2, 3 Điều 14 của Quy định xử lý kỷ Luật Luật sư*** và ***Quy tắc 8.1, 14.10 Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư***

Việt Nam, đề nghị hình thức kỷ luật đối với Luật sư N là "Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn luật sư thời hạn 12 tháng".

Sau đó Ban Chủ nhiệm họp quyết định hình thức kỷ luật và thống nhất xử lý kỷ luật đối với Luật sư N với hình thức "Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn luật sư 12 tháng".

b) Khiếu nại:

Không đồng ý với Quyết định về việc xử lý kỷ Luật Luật sư nói trên, Luật sư N đã có đơn khiếu nại gửi Liên đoàn luật sư Việt Nam để đề nghị xem xét lại Quyết định kỷ luật và cho rằng: Nội dung mà ông A khiếu nại thì phía Luật sư N hoàn toàn không có lỗi mà do ông A đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Hai bên có ký thỏa thuận thanh lý hợp đồng. Từ những lý do trên, Luật sư N đề nghị Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam xem xét làm sáng tỏ lại toàn bộ nội dung vụ việc để hủy Quyết định kỷ Luật Luật sư.

c) Nhận xét, đánh giá của Ban Thường vụ

Luật sư N có hành vi vi phạm trong quan hệ với khách hàng. Trước đây đã bị Đoàn luật sư xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, sau đó Đoàn luật sư phát hiện vi phạm khác do bị khách hàng khiếu nại. Khi Đoàn luật sư tiến hành xử lý thì Luật sư N thể hiện thái độ đối phó, chống chế, không chấp hành các yêu cầu của Đoàn luật sư, tìm cách để người khiếu nại rút đơn.

Vi phạm cụ thể của Luật sư N là nhận việc, nhận tiền của khách hàng nhưng không thực hiện vụ việc. Khi khách hàng yêu cầu hoàn trả tiền thì chậm thực hiện, làm mất uy tín của luật sư Đoàn luật sư. Khi Đoàn luật sư yêu cầu giải trình, mời làm việc thì không giải trình, không có mặt theo yêu cầu, thể hiện thái độ không hợp tác, đối phó. Hành vi này vi phạm ***Khoản 1, 2, 3 Điều 14 của Quy định xử lý kỷ Luật Luật sư*** và ***Quy tắc 8.1, 14.10 Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam***.

Từ các vi phạm trên, Hội đồng khen thưởng - kỷ luật đề xuất hình thức kỷ luật tạm đình chỉ tư cách thành viên 12 tháng, và sau đó Ban chủ nhiệm quyết định xử lý Luật sư N với hình thức kỷ luật "Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn luật sư Tp.Cần Thơ trong thời hạn 12 tháng" là hoàn toàn phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm.

d) Kết quả giải quyết

Ban Thường vụ không chấp nhận khiếu nại của Luật sư N, giữ nguyên Quyết định xử lý kỷ luật của Đoàn luật sư.

***Ghi chú**: Về sau này, trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật tạm đình chỉ tư cách thành viên 12 tháng thì Ban chủ nhiệm lại phát hiện thêm vi phạm khác và đã xử lý kỷ luật xóa tên Luật sư N khỏi danh sách Đoàn luật sư.*

Ý KIẾN CỦA TÁC GIẢ BÀI VIẾT:

Giả định hành vi vi phạm của Luật sư N như tình huống nêu trên xảy ra sau ngày 13/12/2019 (ngày áp dụng Bộ quy tắc đạo đức mới) thì Luật sư N sẽ vi phạm các quy tắc sau đây của Bộ Quy tắc đạo đức (mới):

- Vi phạm ***Quy tắc 12.1 (****Luật sư chủ động, tích cực giải quyết vụ việc của khách hàng và thông báo tiến trình giải quyết vụ việc để khách hàng biết*). Cụ thể ở đây là Luật sư N đã ký hợp đồng nhận vụ việc của khách hàng, đã nhận thù lao nhưng không thực hiện bất kỳ công việc nào theo Hợp đồng đã ký kết.
- Đối với việc vi phạm ***Quy tắc 14.10 Quy tắc Đạo đức (cũ)*** là "*Đưa ra những lời hứa tốt đẹp để lừa dối khách hàng*" thì hiện nay trong Quy tắc 9 Bộ quy tắc đạo đức (mới) không còn đề cập. Do vậy, khi luật sư có hành vi "Đưa ra những lời hứa tốt đẹp để lừa dối khách hàng" thì xem như vi phạm vào nghĩa vụ "**trung thực**" theo **Quy tắc 2** (phần Quy tắc chung) **Bộ Quy tắc đạo đức**.

2. Vụ việc thứ hai: Luật sư L vi phạm trong quan hệ dịch vụ pháp lý với khách hàng

a) Nội dung sự việc:

Ông L – Đoàn Luật sư Thành phố H vào khoảng giữa tháng 02/2011 thỏa thuận miệng với chị Đ là sẽ tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ (nguyên đơn) là người kháng cáo ở cấp phúc thẩm trong vụ tranh chấp quyền sử dụng đất với thù lao là 200.000.000 đồng, không lập hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Tháng 03/2011, bà Đ chuyển cho Luật sư L qua ngân hàng với số tiền 200.000.000 đồng. Luật sư nhận tiền nhưng không có lập phiếu thu.

Ngày 24/03/2011, Tòa cấp phúc thẩm Quyết định đình chỉ vụ án với lý do người kháng cáo vắng mặt nhiều lần,dù đã triệu tập hợp lệ. Bà Đ cho rằng luật sư L đã nhận đủ thù lao nhưng không làm thủ tục tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi cho bà tại Tòa án, không tư vấn pháp lý, không liên hệ tòa án để nhận quyết định đình chỉ vụ án giúp bà, không làm bất cứ việc gì để thể hiện vai trò của người luật sư bảo vệ quyền lợi cho khách hàng. Do đó, bà yêu cầu Luật sư trả lại cho bà số tiền

200.000.000 đồng nhưng Luật sư L không trả. Năm 2011, bà Đ đã khiếu nại lên Đoàn Luật sư, sau đó khởi kiện ra tòa án nơi cư trú của luật sư.

Ngày 26/09/2013, Tòa án tuyên chấp nhận yêu cầu của bà Đ, buộc Luật sư L trả cho bà Đ là 200.000.000 đồng và bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng Luật sư vẫn không chịu thi hành.

Năm 2011, bà Đ khiếu nại lần hai đề nghị Đoàn Luật sư xem xét và có biện pháp giáo dục, xử lý Luật sư L, đồng thời yêu cầu Luật sư L trả 200.000.000 đồng theo bản án.

Vụ việc được Đoàn luật sư xem xét theo trình tự xử lý kỷ Luật Luật sư và áp dụng hình thức xóa tên.

b) Khiếu nại của luật sư

Luật sư L cho rằng việc áp dụng hình thức kỷ luật xóa tên thành viên Đoàn luật sư đối với mình là quá nặng, đề nghị Liên đoàn luật sư Việt Nam xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật là tạm đình chỉ tư cách thành viên trong thời gian 06 tháng.

c) Nhận xét, đánh giá của Ban Thường vụ

Luật sư L đã có các hành vi vi phạm quy định của Luật Luật sư, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư như sau:

- Nhận dịch vụ pháp lý mà không lập Hợp đồng, vi phạm ***khoản 2 Điều 26 Luật Luật sư 2006***;

- Nhận tiền dịch vụ pháp lý là 200 triệu đồng (năm 2011) nhưng không thực hiện dịch vụ pháp lý, cụ thể là không ra tham dự phiên tòa phúc thẩm như thỏa thuận. Đây là hành vi lừa dối khách hàng, vi phạm ***điểm d khoản 1 Điều 9 Luật Luật sư năm 2006*** *(lừa dối khách hàng)*;

- Khi khách hàng yêu cầu trả lại tiền thì không trả, dẫn đến khách hàng phải đi kiện ra tòa. Khi tòa buộc trả lại số tiền 200 triệu đồng theo Bản án cho đến ngày họp xét kỷ luật thì vẫn chưa khắc phục hậu quả, vi phạm ***Quy tắc 5 Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam*** *(xứng đáng với sự tin cậy của Xã hội)*.

Các vi phạm như nêu trên thuộc trường hợp phải **xóa tên** theo các quy định tại điểm a, b, c Khoản 2 Điều 15 Quy định về xử lý kỷ Luật Luật sư (ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-BTV ngày 05/10/2012 của Liên đoàn luật sư Việt Nam), cụ thể là;

- Lừa dối hoặc lợi dụng sự tin tưởng để chiếm đoạt, sử dụng bất hợp pháp

tài sản của khách hàng;

- Gây thiệt hại rất lớn về tài sản của khách hàng mà không khắc phục hậu quả;

- Gây ảnh hưởng đặc biệt xấu đối với uy tín nghề luật sư;

Trước ngày Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư họp xét kỷ luật, Luật sư L có cung cấp biên lai nộp 30 triệu đồng cho cơ quan thi hành án để thi hành số tiền nợ trong số 200 triệu đồng phải trả. Tuy nhiên Ban Thường vụ đánh giá mức độ khắc phục này là rất thấp so với số tiền phải trả nên không đủ để giảm nhẹ mức kỷ luật.

d) Kết quả giải quyết

Ban Thường vụ không chấp nhận khiếu nại của Luật sư L, giữ nguyên quyết định kỷ luật của Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư.

Ý KIẾN CỦA TÁC GIẢ BÀI VIẾT:

Giả định hành vi vi phạm của Luật sư L như tình huống nêu trên xảy ra sau ngày 13/12/2019 (ngày áp dụng Bộ quy tắc đạo đức mới) thì Luật sư L sẽ vi phạm các quy tắc sau đây của Bộ Quy tắc đạo đức (mới):

- Vi phạm ***Quy tắc 12.1 (****Luật sư chủ động, tích cực giải quyết vụ việc của khách hàng và thông báo tiến trình giải quyết vụ việc để khách hàng biết*). Cụ thể ở đây là Luật sư L đã thỏa thuận tham gia tố tụng, đã nhận đủ tiền theo thỏa thuận mà không thực hiện công việc. Do vậy, Luật sư L đã vi phạm nghĩa vụ đạo đức là phải chủ động, tích cực giải quyết vụ việc của khách hàng.
- Vi phạm nghĩa vụ "*Giữ gìn nhân cách, uy tín và phẩm chất nghề nghiệp*" theo ***Quy tắc 3.2 Bộ Quy tắc đạo đức*** (mới). Cụ thể là nhiều lần hứa hẹn trả lại tiền cho khách hàng nhưng không trả, dẫn đến khách hàng khởi kiện tại tòa án. Khi bản án có hiệu lực, giai đoạn thi hành án thì ông L vẫn hứa hẹn thi hành nhưng không thực hiện, tạo dư luận xấu, ảnh hưởng đến uy tín của giới luật sư.

Ngoài vi phạm các quy tắc đạo đức, Luật sư L còn vi phạm pháp luật về luật sư, cụ thể là vi phạm ***Điều 26 Luật luật sư*** do nhận thực hiện dịch vụ pháp lý của khách hàng nhưng không ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng văn bản theo quy định.

<u>3. Vụ việc thứ ba:</u> Trường hợp vi phạm của Luật sư H trong việc tư vấn miễn phí cho khách hàng

a) Nội dung sự việc:

**** Hành vi của Luật sư H:***

Ngày 09/10/2022, bà G có đơn khiếu nại gửi Đoàn Luật sư tỉnh X, khiếu nại về hành vi của Luật sư H, với nội dung: Bà G là chủ sở hữu nhà ở, đất ở tại thị trấn

P, huyện Y, tỉnh X do vừa mua lại của một chủ cũ. Khi bà G nhận nhà, đất nêu trên thì gia đình ông V nhiều lần cản trở việc bà nhận nhà, sử dụng nhà. Vào một ngày trong giữa năm 2022, Luật sư H tự ý đến căn nhà trong trạng thái say rượu, cho rằng mình là luật sư cảu ông V và có lời lẽ to tiếng, mang tính uy hiếp bà G, xúi ông V đập ổ khoá cửa để vào nhà trước sự chứng kiến của nhiều người dân và công an địa phương. Bà G đề nghị Đoàn Luật sư xử lý kỷ luật Luật sư H.

**** Quá trình giải quyết kỷ luật của Đoàn luật sư***

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà G, Đoàn Luật sư đã xác minh, giải quyết khiếu nại và biết rằng: Căn nhà là di sản thừa kế do cha, mẹ ông V (đã mất) để lại. Ông V là đồng thừa kế nhưng các anh, em của ông V tự ý bán căn nhà cho bà G mà không có sự đồng ý của ông V. Từ đó, ông V có nhờ Luật sư H tư vấn việc giải quyết tranh chấp căn nhà mà bà G hiện đang sở hữu. Việc tư vấn hoàn toàn miễn phí, không có thù lao.

Sau quá trình giải quyết, đầu năm 2023, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư quyết định kỷ luật đối với Luật sư H bằng hình thức *"Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn Luật sư 24 tháng"* với 02 lý do:

- Luật sư H cung cấp dịch vụ pháp lý cho ông V nhưng không ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng văn bản, vi phạm Quy tắc 10.5 Bộ quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.
- Luật sư H say rượu, lớn tiếng thách thức, xúi giục ông V bẻ khoá vào nhà của bà G trước sự chứng kiến của nhiều người dân và Công an địa phương, thể hiện ứng xử thiếu chuẩn mực, ảnh hưởng đến lợi ích của bà G, ảnh hưởng xấu đến uy tín của đội ngũ luật sư, vi phạm Quy tắc 30 Bộ quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam (*Ứng xử trong quan hệ với tổ chức, cá nhân khác*).

b) Khiếu nại của Luật sư H:

Luật sư H có đơn khiếu nại đối với Quyết định kỷ luật luật sư của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư tỉnh X gửi Liên đoàn Luật sư Việt Nam trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận quyết định. Trong đơn khiếu nại, Luật sư H thừa nhận do say rượu, thiếu kiềm chế nên có tác phong, ngôn từ thiếu chuẩn mực, đề nghị Ban Thường vụ LĐLSVN xem xét, giảm nhẹ mức kỷ luật.

c) Nhận xét, đánh giá của Ban Thường vụ

Giữa năm 2023, Ban Thường vụ LĐLSVN giải quyết khiếu nại và đã nhận định, đánh giá nội dung sự việc như sau:

- Đối với kết luận của Đoàn Luật sư cho rằng Luật sư Ha vi phạm Quy tắc 10.5 Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam, Ban Thường cho rằng: Luật sư H tư vấn miễn phí, không nhận thù lao của ông V là thực hiện trợ giúp pháp lý nên không buộc phải ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng văn bản giữa tổ chức hành nghề luật sư với khách hàng. Do đó, Luật sư H không vi phạm Quy tắc 10.5 Bộ quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.
- Đối với kết luận của Đoàn Luật sư cho rằng Luật sư H vi phạm Quy tắc 30 Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam, Ban Thường vụ xác định Luật sư H vi phạm nghiêm trọng Quy tắc 30 Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.

Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ đã quyết định giảm nhẹ một phần mức kỷ luật, sửa Quyết định kỷ luật của Đoàn luật sư, áp dụng hình thức "*Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn Luật sư với thời hạn 12 tháng* " đối với Luật sư H.

Ý KIẾN CỦA TÁC GIẢ BÀI VIẾT:

Trong tình huống này, Chúng ta cần quan tâm đến vấn đề là khi luật sư trợ giúp pháp lý thì có bắt buộc phải ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng văn bản hay không?

Quy tắc 10.5 Bộ Quy tắc đạo đức quy định***: "****Khi nhận vụ việc của khách hàng, luật sư phải ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý,* ***trừ trường hợp pháp luật có quy định khác****. Trong hợp đồng dịch vụ pháp lý phải xác định rõ yêu cầu của khách hàng, mức thù lao và những nội dung chính khác mà hợp đồng dịch vụ pháp lý phải có theo quy định của pháp luật****".***

Trước đây, trong rất nhiều năm, vấn đề bắt buộc ký kết HĐDVPL hay không phải ký kết HDDVPL được đội ngũ luật sư nhận thức, quán triệt và thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011, có hiệu lực từ ngày ***01/12/2011*** cho đến ngày ***10/08/2021*** được thay thế bằng Thông tư 05/2021/TT-BTP ngày 24/06/2021.

Điều 5 Thông tư 17/2011/TT-BTP quy định khi mức thù lao luật sư từ 200 ngàn đồng trở lên thì giữa TCHNLS với khách hàng phải có HĐDVPL. Nếu thù lao luật sư dưới 200 ngàn đồng thì chỉ phải lập Phiếu thoả thuận và xuất hoá đơn. Còn hành vi tư vấn, trợ giúp pháp lý miễn phí, không có thù lao thì pháp luật không bắt buộc phải lập thành HĐDVPL giữa TCHNLS với khách hàng.

Thông tư 05/2021/TT-BTP do Bộ trưởng Bộ tư pháp ban hành ngày 24/06/2021, có hiệu lực kể từ ngày 10/08/2021 cho đến nay, thay thế toàn bộ Thông tư 17/2022/TT-BTP. Thế nhưng nội dung Thông tư 05/2021/TT-BTP hoàn toàn không quy định, không đề cập nội dung nào liên quan đến mức thù lao bao nhiêu thì buộc phải lập HDDVPL. Vấn đề này vẫn còn bỏ ngõ cho đến nay.

Căn cứ ***Điều 513 Bộ luật dân sự năm 2015,*** quy định về "***hợp đồng dịch vụ***" thì: *"Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên thuê dịch vụ, còn* ***bên thuê dịch vụ phải trả tiền dịch vụ*** *cho bên cung ứng dịch vụ*". Như vậy, Hợp đồng dịch vụ bắt buộc phải có yếu tố "trả tiền dịch dụ". Hợp đồng dịch vụ pháp lý cũng là một loại hợp đồng dịch vụ, nên ngoài Luật luật sư thì còn chịu sự điều chỉnh bởi quy định chung của Bộ luật dân sự về "Hợp đồng dịch vụ". Và do đó, quan hệ dịch vụ pháp lý ***chỉ hình thành khi có sự thoả thuận về nghĩa vụ trả tiền thù lao, quyền hưởng thù lao luật sư***. Còn hành vi trợ giúp pháp lý miễn phí, không thu tiền thù lao luật sư từ người được trợ giúp thì không phải là hành vi cung cấp dịch vụ pháp lý, không hình thành quan hệ hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Xét thực tiễn, Đội ngũ luật sư Việt nam từ khi thành lập đến nay đã thực hiện trợ giúp pháp lý, không nhận tiền thù lao bằng rất nhiều hình thức như tư vấn, bào chữa, bảo vệ quyền lợi tại toà án, đại diện tham gia tố tụng, ….. Số lượng vụ việc mà luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý cho nhân dân trong đời sống xã hội là rất nhiều, hầu như luật sư nào cũng có tham gia thực hiện. Đồng thời, tuyệt đại đa số các trường hợp trợ giúp pháp lý miễn phí do luật sư thực hiện tại TCHNLS là làm giùm, làm giúp, không nhận thù lao nên tuyệt đại đa số là không ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng văn bản với người được trợ giúp (trừ việc hợp tác với hoạt động trợ giúp pháp lý nhà nước).

Do đó, căn cứ theo các cơ sở nêu trên, theo quan điểm tác giả thì khi luật sư thực hiện công việc tư vấn, tham gia tố tụng hoặc các hình thức trợ giúp pháp lý khác mà miễn phí, không nhận tiền thù lao thì ***không buộc phải lập thành Hợp đồng dịch vụ pháp lý*** bằng văn bản giữa TCHNLS với khách hàng. Trong tình huống này này, Đoàn luật sư cho rằng Luật sư H cung cấp dịch vụ pháp lý mà không có HĐDVPL, và đã áp dụng Quy tắc 10.5 Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam để xử lý kỷ luật đối với Luật sư H là không đúng. Thực tế, Ban Thường vụ LĐLSVN đã có tiền lệ trong giải quyết khiếu nại là đã đưa ra quan điểm cho rằng việc luật sư tư vấn miễn phí, không nhận thù lao của người dân là hành vi trợ giúp pháp lý nên không buộc phải ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng văn bản.

Trong phạm vi nội dung và thời gian hạn chế, người báo cáo chuyên đề chỉ nêu một số vấn đề như trên gửi đến các quý luật sư đồng nghiệp tham gia lớp học để cùng trao đổi, thảo luận và làm rõ một số nội dung của Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam, thực tiễn tình hình vi phạm, để cùng thảo luận, cùng có nhận thức tương đồng, cùng áp dụng, thực hiện thống nhất nội dung các quy tắc trong thực tiễn, phòng, tránh vi phạm.

Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam được ban hành và có hiệu lực vào ngày13/12/2019, cùng với *Quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật* ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-HĐLSTQ ngày 08/03/2023

của Hội đồng luật sư toàn quốc (hiệu lực kể từ ngày 01/04/2023) là 02 văn bản nội bộ rất quan trọng, có thể ví như một văn bản quy phạm nội dung và một văn bản quy phạm hình thức, thủ tục trong nội bộ luật sư. Hai văn bản này là công cụ quan trọng góp phần chuẩn hoá, giữ gìn các giá trị chuẩn mực nghề nghiệp của Đội ngũ luật sư trước xã hội, và đồng thời là căn cứ để áp dụng giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm trong nội bộ tổ chức luật sư.

An Giang - Tháng 4/2026